

Bài 6

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA NÓ

I. ĐẶC TRƯNG KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản và hệ quả của nó

Mỗi phương thức sản xuất đều có một quy luật phản ánh mối quan hệ kinh tế cơ bản của phương thức đó. Trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì sản xuất giá trị thặng dư là quy luật kinh tế cơ bản, phản ánh quan hệ kinh tế bản chất nhất của chủ nghĩa tư bản, quan hệ giữa người công nhân và nhà tư bản.

Giá trị thặng dư là một bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.

Quy luật sản xuất giá trị thặng dư là một trong những quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Nội dung quy luật này là: *Sản xuất nhiều và ngày càng nhiều hơn giá trị thặng dư bằng cách tăng cường bóc lột công nhân làm thuê.*

Sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở kinh tế của sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nếu quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa là quy luật giá trị thì quy luật kinh tế cơ bản của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là quy luật giá trị thặng dư. Sản xuất giá trị thặng dư là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản vì:

- Chủ nghĩa tư bản không thể tồn tại nếu ngừng sản xuất giá trị thặng dư.

Không tạo ra giá trị thặng dư thì nhà tư bản không còn động lực để đầu tư, phát triển sản xuất. Nếu nhà tư bản chỉ thu nhập từ thành quả lao động do chính mình bỏ ra thì dù là con người tài năng cỡ mấy, thu nhập của anh ta không thể cao hơn quá nhiều so với tiền lương cao nhất của người công nhân. Chỉ có những khoản thu nhập kèch sù do bóc lột nhiều công nhân cùng lúc mới là động lực mãnh liệt thúc đẩy các nhà tư bản đứng ra đầu tư, sản xuất.

- Sản xuất giá trị thặng dư là hiện tượng phổ biến và khách quan trong chủ nghĩa tư bản. Chỉ cần một ngày chủ nghĩa tư bản không sản xuất giá trị thặng dư thì chủ nghĩa tư bản sẽ sụp đổ, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa sẽ bị rối loạn, sản xuất đình đốn... Nguồn gốc của giá trị thặng dư là chế độ tư hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Do đó, sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản, nó mang tính khách quan và cần được pháp luật tư sản bảo hộ.

- Sản xuất giá trị thặng dư là cội nguồn sinh ra sự giàu có, sung túc. Để duy trì và phát triển sự giàu có, đôi dư

này, giai cấp tư sản có xu hướng không ngừng sản xuất ra càng nhiều giá trị thặng dư càng tốt, sản xuất với quy mô ngày càng lớn hơn trước. Những lợi tức, tiền bạc thu được đều được đưa vào tái đầu tư, tái sản xuất, thuê mua nguyên vật liệu, nhà xưởng để vận hành tạo giá trị thặng dư. Do đó, sản xuất giá trị thặng dư là nguồn gốc của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

- Sản xuất giá trị thặng dư không chỉ là nguồn gốc sự giàu có, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản mà còn là nguồn gốc sinh ra các mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản, sự bất công, áp bức... Bóc lột sẽ ngày càng sinh ra bóc lột nặng nề hơn.

Quy luật giá trị thặng dư là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản vì nó quy định bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, chi phối mọi mặt đời sống kinh tế của xã hội tư bản. Không có sản xuất giá trị thặng dư thì không có chủ nghĩa tư bản. Theo Mác, chế tạo ra giá trị thặng dư, đó là *quy luật tuyệt đối* của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ở đâu có sản xuất giá trị thặng dư thì ở đó có chủ nghĩa tư bản, ngược lại, ở đâu có chủ nghĩa tư bản thì ở đó có sản xuất giá trị thặng dư. Lênin gọi quy luật giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.

Quy luật giá trị thặng dư đứng đằng sau cạnh tranh tư bản chủ nghĩa. Với mục đích là thu được ngày càng nhiều hơn giá trị thặng dư, các nhà tư bản cạnh tranh với nhau, tiêu diệt lẫn nhau để có được quy mô giá trị thặng dư lớn hơn, tỷ suất giá trị thặng dư cao hơn.

J

Để sản xuất ngày càng nhiều giá trị thặng dư, các nhà tư bản ra sức áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cải tiến sản xuất. Từ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, nền sản xuất có tính chất xã hội hoá ngày càng cao, mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng gay gắt.

Có hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư:

- Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối: Là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư bằng cách kéo dài thời gian lao động thặng dư trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không đổi.

- Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối: Là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách hạ thấp giá trị sức lao động nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên trong điều kiện ngày lao động, cường độ lao động không đổi.

2. Các đặc trưng kinh tế của chủ nghĩa tư bản

a) Chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa

Đặc điểm đặc trưng nhất của chủ nghĩa tư bản là thừa nhận quyền sở hữu tư nhân và quyền tự do sản xuất, kinh doanh, được xã hội bảo vệ về mặt luật pháp và được coi như một quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của con người. Trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa không loại trừ hình thức sở hữu nhà nước và sở hữu toàn dân, đôi khi ở một số nước, tại một số thời điểm, tỷ trọng của các hình

thức sở hữu này chiếm không nhỏ (hay còn gọi là mô hình kinh tế hỗn hợp), nhưng trong xã hội tư bản chủ nghĩa, quyền tư hữu đối với tư liệu sản xuất được xã hội và pháp luật bảo vệ, sự chuyển đổi quyền sở hữu phải thông qua giao dịch dân sự được pháp luật và xã hội quy định và xét về lâu dài, trên tổng thể, *sở hữu tư nhân vẫn giữ vai trò chủ đạo*, ưu thế. Sở hữu công cộng chỉ là công cụ phục vụ cho sự phát triển của sở hữu tư nhân.

Trong hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa, các cá nhân dùng sở hữu tư nhân để *tự do kinh doanh* bằng hình thức các công ty tư nhân nhằm thu *lợi nhuận* thông qua cạnh tranh trong các điều kiện của thị trường tự do: Mọi sự phân chia của cải đều thông qua quá trình mua bán của các thành phần tham gia vào quá trình kinh tế. Các công ty tư nhân tạo thành thành phần kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế chủ yếu của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Có thể nói các yếu tố *quyền tư hữu, thành phần kinh tế tư nhân, kinh doanh tự do, cạnh tranh, động lực lợi nhuận, tính tự định hướng, tự tổ chức, thị trường lao động, định hướng thị trường, bất bình đẳng trong phân phối của cải* là các khái niệm gắn liền với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Các hình thức công ty cổ phần chỉ là những hình thái biến tướng của sở hữu tư nhân - sở hữu "tập thể của các tư nhân".

b) Nền kinh tế nhiều thành phần trong đó thành phần kinh tế tư bản tư nhân giữ vai trò chủ đạo

Trong giai đoạn phát triển đầu tiên tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản, thành phần kinh tế tư nhân chiếm

toàn bộ nền kinh tế. Sau này, cùng với mô hình kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước, có sự can thiệp, điều phối của nhà nước vào quá trình kinh tế thì tỷ trọng của thành phần tư nhân có giảm xuống, song đối với một nền kinh tế tư bản đặc trưng nó luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nền kinh tế. Thành phần kinh tế tư nhân năng động, là lực đẩy quyết định tính hiệu quả của nền kinh tế tư bản, còn thành phần kinh tế nhà nước chủ yếu để giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm công ăn việc làm cho lực lượng lao động, tránh gây xáo trộn lớn trong xã hội và để kinh doanh trong các ngành cần thiết nhưng khó sinh lời. Theo thời gian, giữa hai thành phần này đôi khi lại có sự hiệu chỉnh bằng các quá trình tư nhân hoá hoặc quốc hữu hoá doanh nghiệp thông qua việc bán và mua các cổ phần của doanh nghiệp.

Các thành phần kinh tế khác của những người sản xuất, kinh doanh nhỏ chỉ đóng vai trò thứ yếu hoặc ở những vùng chưa có điều kiện phát triển.

c) Nền sản xuất lớn và động lực lợi nhuận

Khác với nền sản xuất phong kiến lấy ruộng đất làm phương tiện sản xuất cơ bản, sở hữu ruộng đất là đặc quyền của vua, quý tộc và lãnh chúa, ngành kinh tế chính là nông nghiệp và thương mại, kinh tế tư bản chủ nghĩa bác bỏ đặc quyền về ruộng đất hoặc bất cứ độc quyền của tầng lớp quý tộc, thương lưu nào. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là tự do kinh doanh, lấy công nghệ, máy móc, chất xám làm phương tiện sản xuất chính, là nền kinh tế định hướng sang công nghiệp, dịch vụ và thương mại. Sự định

hướng này hoàn toàn do yếu tố lợi nhuận và thị trường điều phối. Do phương tiện sản xuất là công nghệ, tri thức, cho nên để có lợi nhuận tối đa nền sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn có xu hướng hướng đến "nền sản xuất lớn" với sự tái đầu tư mở rộng và gắn liền với cách mạng khoa học và công nghệ. Việc nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh là lợi ích sống còn của các chủ sở hữu doanh nghiệp trong cạnh tranh giành lợi nhuận.

d) Mua bán sức lao động (thị trường lao động)

Đây là đặc điểm rất nổi bật của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Trong nền kinh tế phong kiến và các nền kinh tế cấp thấp, lực lượng nhân công (nông dân, nông nô) bị phụ thuộc vào chủ đất (địa chủ, lãnh chúa) và quý tộc về mặt pháp lý, họ bị gắn chặt vào ruộng đất, vào ý chí của chủ đất và quý tộc. Còn nhân công (người lao động) trong kinh tế tư bản chủ nghĩa về mặt pháp lý là hoàn toàn bình đẳng với chủ sở hữu doanh nghiệp (người thuê lao động). Giữa người thuê lao động và người lao động ràng buộc kinh tế với nhau bằng hợp đồng lao động: người lao động và chủ doanh nghiệp mua bán sức lao động theo các yếu tố của thị trường. Công nhân có thể thanh lý hợp đồng lao động với người thuê lao động này, chuyển sang làm việc cho người thuê lao động khác và nếu có khả năng hoặc may mắn thì cũng có thể trở thành chủ doanh nghiệp.

Cả xã hội là một thị trường lao động lớn và thường thì nguồn cung ứng lao động nhiều hơn nhu cầu và lao động, do vậy trong xã hội tư bản chủ nghĩa thường tồn tại nạn

thất nghiệp. Vì thế, người lao động thường bị "mua rẻ" sức lao động của mình, làm xuất hiện giá trị thặng dư, dẫn đến tình trạng công nhân bị "bóc lột" trong xã hội tư bản. Tuy nhiên, nguy cơ thất nghiệp đóng vai trò kích thích người lao động nâng cao kỹ năng và kỷ luật lao động trong cuộc chạy đua bảo vệ chỗ làm việc.

đ) Kinh tế thị trường và cạnh tranh

Nền kinh tế được điều hành bởi cá nhân và các doanh nghiệp tư nhân định hướng đến quyền lợi cá nhân, cho nên kinh doanh trong kinh tế tư bản chủ nghĩa về cơ bản là tự định hướng, tự điều hành, tự phát theo quy luật của thị trường tự do, của quy luật cạnh tranh, hay đó là nền kinh tế thị trường.

Mọi giá trị kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội đều có thể và phải được lượng giá bằng tiền tệ trong các mối quan hệ xã hội, dựa trên sự lượng giá đó để đánh giá giá trị đối với xã hội, do đó sự lượng giá các giá trị này hoàn toàn mang tính thị trường và thay đổi rất nhanh theo thời gian.

e) Khủng hoảng kinh tế chu kỳ

Khủng hoảng kinh tế định kỳ là một đặc trưng kinh tế của chủ nghĩa tư bản.

Trong nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, những biến động phá hoại nền sản xuất xã hội chỉ do những nguyên nhân như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh...

Trong kinh tế hàng hóa giản đơn đã xuất hiện khả năng khủng hoảng kinh tế. Khả năng đó xuất phát từ mâu

thuần giữa tính chất tư nhân và tính chất xã hội của lao động, gắn liền với chức năng của tiền làm phương tiện lưu thông, phát triển lên cùng với sự phát triển của quan hệ sản xuất, của chức năng tiền làm phương tiện thanh toán, của hoạt động đầu cơ, của vai trò điều tiết tự phát của thị trường. Song, do quy mô hoạt động kinh tế còn nhỏ hẹp, tốc độ vận động kinh tế chậm, cho nên khủng hoảng kinh tế mới chỉ là khả năng.

Trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, khủng hoảng kinh tế trở thành hiện thực. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản chủ yếu do mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản: Mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất với chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Mâu thuẫn này không những chỉ sinh ra khủng hoảng kinh tế, mà còn dẫn đến tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản.

Thông thường, một chu kỳ kinh tế gồm bốn giai đoạn: Khủng hoảng, tiêu điều, phục hồi và hưng thịnh. Cơ sở vật chất của chu kỳ khủng hoảng tư bản chủ nghĩa là chu kỳ đổi mới tài sản cố định bị hao mòn hữu hình và vô hình.

II. CÁC MÂU THUẤN CƠ BẢN TRONG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động

- Sự tác động của quy luật giá trị thặng dư tất yếu dẫn đến mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, biểu hiện ra ngoài bằng mâu thuẫn về lợi ích giữa nhà tư bản và người công nhân.

u

Cần lưu ý rằng, quan hệ về lợi ích giữa nhà tư bản và người công nhân vừa có tính thống nhất, vừa có tính đối lập, mâu thuẫn. Sự thống nhất ở chỗ, nhà tư bản thì có tư liệu sản xuất, còn người công nhân thì có sức lao động, "kẻ có của, người có công" hợp lại tạo ra thu nhập cho cả nhà tư bản và người công nhân. Tuy nhiên điều này cũng dẫn đến chỗ, khi đạt đến giới hạn nhất định thì lợi ích của nhà tư bản tăng lên, lợi ích của công nhân giảm xuống, tạo ra mâu thuẫn giữa nhà tư bản và người công nhân.

- Biểu hiện của mâu thuẫn trên đây ở tầm quốc gia trở thành mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Sự phân cực giàu - nghèo và tình trạng bất công xã hội tăng lên, chứng tỏ bản chất bóc lột giá trị thặng dư tồn tại, dù được biểu hiện dưới những hình thức tinh vi. Cả sự bản cùng hoá tuyệt đối lẫn tương đối của giai cấp công nhân đều chứng tỏ sự tồn tại của mâu thuẫn này.

Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động biểu hiện trên bề mặt của chủ nghĩa tư bản dưới những hình thức rất khác nhau, thể hiện từ các cuộc đấu tranh không ngừng của giai cấp công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm, phá hủy máy móc, thiết bị cho đến các cuộc đấu tranh chính trị xác lập địa vị pháp lý của giai cấp công nhân mà đại diện là các đảng cộng sản và công nhân; các cuộc đấu tranh cách mạng lật đổ sự thống trị của giai cấp các nhà tư bản; mâu thuẫn giữa các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa với chủ nghĩa tư bản...

2. Mâu thuẫn giữa tư bản với nhau

- Giữa các nhà tư bản không chỉ có sự thống nhất, hợp tác với nhau mà còn có mâu thuẫn, đấu tranh quyết liệt để giành giật thị trường, tài nguyên, khoáng sản và lao động nhằm thu lợi nhuận tối đa. Các nhà tư bản dùng đủ mọi thủ đoạn để đánh gục đối phương nhằm thu lợi về mình, cho nên mới có câu "thương trường như chiến trường", "cá lớn nuốt cá bé"...

- Ở tầm quốc gia, mâu thuẫn giữa các tập đoàn tư bản diễn ra gay gắt mà biểu hiện rõ nhất là trong các cuộc đấu tranh trên nghị trường, giữa các đảng phái, phe phái để xác lập địa vị thống trị của tập đoàn, phe nhóm mình nhằm tạo cho mình điều kiện thuận lợi nhất trong kinh doanh, thu lợi nhuận...

- Ở tầm quốc tế, đây là mâu thuẫn giữa các trung tâm kinh tế, chính trị hàng đầu của thế giới tư bản, giữa các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia. Các cuộc chiến tranh thế giới chính là bắt nguồn từ mâu thuẫn này. Cũng có lúc bên ngoài mâu thuẫn này có phần dịu đi, chẳng hạn, trong thời kỳ còn tồn tại sự đối đầu giữa hai hệ thống thế giới tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, ngày nay mâu thuẫn này có chiều hướng diễn biến phức tạp sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. *Một mặt*, sự phát triển của xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế và đòi hỏi của cách mạng khoa học và công nghệ khiến các nước đó phải liên kết với nhau. *Mặt khác*, do tác động của quy luật phát triển không đều và lợi ích cục bộ của giai cấp thống trị ở

mỗi nước, các nước đó đã trở thành đối thủ cạnh tranh với nhau, tranh giành quyền lực và phạm vi ảnh hưởng trên thế giới, nhất là giữa ba trung tâm Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu. Biểu hiện của mâu thuẫn giữa các nước ấy trước hết là các cuộc chiến tranh thương mại, cạnh tranh giữa các công ty xuyên quốc gia dưới nhiều hình thức, trên thị trường chứng khoán, nơi đầu tư có lợi...

3. Mâu thuẫn giữa tư bản với các tầng lớp nhân dân, giữa chủ nghĩa tư bản với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc

- Nhà tư bản, giai cấp tư sản không chỉ mâu thuẫn với người công nhân, giai cấp công nhân, mà còn mâu thuẫn với tất cả những người lao động, các tầng lớp nhân dân lao động trong xã hội. Mâu thuẫn này xuất phát từ lợi ích đối lập của nhà tư bản với người lao động nói chung. Trong xã hội tư bản, nhà tư bản không chỉ bóc lột sức lao động của người công nhân bằng hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa mà còn thực hiện mọi hình thức bóc lột khác khi thấy có lợi. Ngay các hình thức bóc lột tiền tư bản như nô lệ, nông dân (phát canh thu tô) cũng đều được thực hiện, nhất là trong thời kỳ tích lũy nguyên thủy và ở các nước thuộc địa, lệ thuộc. Giai cấp tư sản cũng ra sức bóc lột các giai cấp, tầng lớp khác như tiểu tư sản, trí thức...

- Ở tầm quốc gia và quốc tế, mâu thuẫn trên biểu hiện ở mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, với các nước thuộc địa, phụ thuộc...

Ngày nay, mâu thuẫn này đang chuyển thành mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản với các nước đang phát triển, các nước chậm phát triển, bị lệ thuộc. Nhiều tài liệu công bố trên các phương tiện truyền thông đã chỉ rõ các nước thứ ba không những bị vơ vét cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên mà còn mắc nợ không thể nào trả được.

4. Mâu thuẫn giữa các yếu tố tư bản chủ nghĩa với các yếu tố xã hội chủ nghĩa

Do sự phát triển của lực lượng sản xuất cũng như cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội hiện thực nên trong lòng xã hội tư bản tất yếu nảy sinh các nhân tố xã hội chủ nghĩa. Những nhân tố này xuất hiện ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: Từ lĩnh vực quan hệ sản xuất cho đến các lĩnh vực xã hội, lĩnh vực chính trị. Ví dụ, trong lĩnh vực kinh tế, sở hữu cổ phần của người lao động là những yếu tố tiến bộ; trong lĩnh vực chính trị - xã hội có các phong trào giúp đỡ người nghèo, đấu tranh vì hòa bình, tự do...

Những nhân tố này tất yếu mâu thuẫn gay gắt với các yếu tố tư bản chủ nghĩa bảo thủ, lạc hậu. Các tập đoàn tư bản chủ nghĩa tìm mọi cách để lợi dụng các yếu tố tiến bộ, đồng thời cũng tìm mọi cách để kìm hãm các phong trào đó. Đó chính là thể hiện của mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với nhân loại tiến bộ.

Chủ nghĩa tư bản ngày nay - với những thành tựu

đáng kể của nó, là sự chuẩn bị tốt nhất những điều kiện, tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhưng bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội vẫn phải thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. V.I.Lênin nhấn mạnh rằng: "... việc chủ nghĩa tư bản ấy "tiếp cận" với chủ nghĩa xã hội phải là một bằng chứng để chỉ ra rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa đã đến gần, đã dễ thực hiện, đã có khả năng thực hiện, đã cần kíp rồi, chứ không phải là một cái cớ để dung thứ việc phủ nhận cuộc cách mạng đó"¹. Dĩ nhiên, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ diễn ra bằng phương pháp nào - hoà bình hay bạo lực, điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào những hoàn cảnh lịch sử - cụ thể của từng nước và bối cảnh quốc tế chung trong từng thời điểm, vào sự lựa chọn của các lực lượng cách mạng.

III. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh

Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh ra đời cùng với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản và phát triển mạnh ở thế kỷ XVIII, XIX ở châu Âu.

Trong chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, giữa các nhà tư bản trong một ngành và giữa các ngành diễn ra sự cạnh

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.33, tr.84.

tranh gay gắt, quyết liệt. Cạnh tranh giữ vai trò thống trị trong nền kinh tế.

Nhà nước tư sản không can thiệp vào quá trình sản xuất và trao đổi tư bản. Nó gần như đứng ngoài đời sống kinh tế, xã hội và chỉ can thiệp khi có sự lung lay của chế độ tư hữu. Do đó, nền kinh tế trong giai đoạn này tự điều chỉnh bởi quy luật cạnh tranh tự do và quy luật giá trị, cho nên cá nhân các nhà tư bản hầu như có đầy đủ quyền trong việc kinh doanh và bóc lột người lao động.

Bộ máy nhà nước trong giai đoạn này không lớn, nhiều bộ phận của nó kế thừa từ trong bộ máy nhà nước phong kiến như quân đội, cảnh sát, nhà tù. Vì mục tiêu của nhà nước không phải là thủ tiêu sự bóc lột, mang lại quyền bình đẳng cho tất cả công dân mà là đưa một nhóm bóc lột này thay thế cho một nhóm bóc lột khác nên nó không cần triệt tiêu nhà nước cũ.

Trong giai đoạn này, hình thức nhà nước phổ biến là quân chủ nghị viện do trong quá trình chống phong kiến, giai cấp tư sản nhiều nước còn nhiều mối quan hệ quyền lợi với giai cấp phong kiến. Họ tìm cách thỏa hiệp với phong kiến để đi đến thiết lập nhà nước quân chủ nghị viện. Chỉ một vài quốc gia đã tiến hành cách mạng triệt để, xây dựng nhà nước cộng hoà nghị viện (Pháp, Mỹ, Thụy Sĩ).

Hình thức nhà nước có thể khác nhau, nhưng bản chất của tất cả các nhà nước tư sản là giống nhau. Đó là nền chuyên chính của giai cấp tư sản. Còn nhân dân lao động -

những người đã từng đứng dưới ngọn cờ cách mạng tư sản, là động lực của cách mạng tư sản - lại trở thành nạn nhân, là đối tượng đàn áp, bóc lột của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhà nước tư sản, về bản chất vẫn là một kiểu nhà nước bóc lột.

2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

Cạnh tranh tự do tác động mạnh đến tích tụ và tập trung tư bản. *Một mặt*, nó buộc các nhà tư bản phải cải tiến kỹ thuật, tăng quy mô tích lũy để thắng trong cạnh tranh và giành lợi nhuận tối đa. *Mặt khác*, kết quả trực tiếp của cạnh tranh tự do khốc liệt là nhiều doanh nghiệp nhỏ, trình độ kỹ thuật kém hoặc bị các đối thủ mạnh hơn thôn tính, hoặc phải liên kết với nhau để đứng vững trong cạnh tranh. Vì vậy, chỉ còn một số ít những nhà tư bản lớn nắm địa vị thống trị trong một ngành hay trong một số ngành công nghiệp. Khủng hoảng kinh tế dẫn đến nhiều xí nghiệp nhỏ và vừa bị phá sản; những xí nghiệp và công ty lớn phải đổi mới kỹ thuật để thoát khỏi khủng hoảng, từ đó thúc đẩy quá trình tập trung sản xuất. Tín dụng tư bản chủ nghĩa mở rộng, trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất, nhất là hình thành các công ty cổ phần, tạo tiền đề cho sự ra đời của các tổ chức độc quyền. Những xí nghiệp, công ty lớn có tiềm lực kinh tế mạnh tiếp tục cạnh tranh với nhau vô cùng khốc liệt, khó phân thắng bại, vì thế nảy sinh xu hướng thoả hiệp, từ đó hình thành các tổ chức độc quyền.

Tổ chức độc quyền là liên minh giữa những nhà tư bản lớn để tập trung vào trong tay một phần lớn (thậm chí toàn bộ) sản phẩm của một ngành, cho phép liên minh này phát huy ảnh hưởng quyết định đến quá trình sản xuất và lưu thông của ngành đó.

Khi bắt đầu chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền thì hình thức kinh tế thống trị là *công ty cổ phần*. Với hình thức công ty cổ phần, sở hữu tư bản chủ nghĩa đã mang hình thức sở hữu tập thể của tư bản. Những công ty cổ phần đầu tiên xuất hiện vào thế kỷ XVII, thời kỳ tích lũy ban đầu tư bản như Công ty Đông Ấn của Anh (năm 1600) và Hà Lan (năm 1602). Tuy nhiên, chỉ đến cuối thế kỷ XIX, những công ty cổ phần mới trở thành hiện tượng phổ biến, đặc biệt là ở các ngành sản xuất đòi hỏi phải có vốn đầu tư lớn nhưng tốc độ chu chuyển tư bản lại chậm (công nghiệp nặng, việc xây dựng đường sắt...).

Những liên minh độc quyền, thoát đầu hình thành theo sự *liên kết ngang*, tức là sự liên kết những doanh nghiệp trong cùng ngành, dưới những hình thức cácten, xanhdica, tởrớt.

Cácten là hình thức tổ chức độc quyền dựa trên sự ký kết hiệp định giữa các xí nghiệp thành viên để thoả thuận với nhau về giá cả, quy mô sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán,... còn việc sản xuất và thương nghiệp vẫn do bản thân mỗi thành viên thực hiện.

Xanhdica là hình thức tổ chức độc quyền trong đó việc mua và bán do một ban quản trị chung đảm nhiệm, nhưng sản xuất vẫn là công việc độc lập của mỗi thành viên.

Cácten và xanhdica dễ bị phá vỡ, vì một khi tương quan lực lượng thay đổi, mỗi thành viên thường chạy theo lợi ích cục bộ dẫn đến vi phạm những cam kết. Bởi vậy, đã ra đời một hình thức tổ chức độc quyền cao hơn là tờrót. Tờrót thống nhất cả việc sản xuất và thương nghiệp vào tay một ban quản trị chung, còn các thành viên trở thành các cổ đông.

Tiếp đó, xuất hiện sự *liên kết dọc*, nghĩa là sự liên kết không chỉ những xí nghiệp lớn mà cả những xanhdica, tờrót... thuộc các ngành khác nhau nhưng có liên quan với nhau về kinh tế và kỹ thuật, hình thành các côngxoócxiom.

Từ giữa thế kỷ XX đã phát triển một kiểu liên kết mới - liên kết đa ngành - hình thành những côngglômêrát (conglomerat) hay consơn (concern) khổng lồ thu tóm nhiều công ty, xí nghiệp thuộc những ngành công nghiệp rất khác nhau, đồng thời bao gồm cả vận tải, thương nghiệp, ngân hàng và các dịch vụ khác, v.v..

Nhờ nắm được địa vị thống trị trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông, các tổ chức độc quyền có khả năng định ra *giá cả độc quyền* cao hơn giá cả sản xuất đối với những hàng hoá mà họ bán ra và giá cả độc quyền thấp dưới giá cả sản xuất đối với những hàng hoá mà họ mua, trước hết là nguyên liệu. Qua đó họ thu được *lợi nhuận độc quyền*.

Giá cả độc quyền là giá cả hàng hoá vượt rất xa giá cả sản xuất. *Giá cả độc quyền bằng chi phí sản xuất cộng với lợi nhuận độc quyền cao.*

Trong chủ nghĩa tư bản độc quyền, các đồng minh độc quyền chiếm ưu thế trong nền kinh tế, cho nên chúng có

thể dùng các phương pháp khác nhau để giữ giá cao cho hàng hoá, một trong những thủ đoạn chủ yếu bảo đảm lợi nhuận độc quyền cao. Thủ đoạn quan trọng nhất để tính giá hàng hoá cao là thi hành chính sách thuế quan cao để bảo hộ các tổ chức độc quyền trong nước; sử dụng bộ máy nhà nước để bảo đảm giá cả độc quyền cho những sản phẩm cung cấp theo đơn đặt hàng của nhà nước. Tuy nhiên, giá cả độc quyền không thủ tiêu được tác động của quy luật giá trị, không thể làm thay đổi tổng số giá trị và giá trị thặng dư trong các nước tư bản chủ nghĩa. Những gì mà các tổ chức độc quyền kén sù thu được cũng là những gì mà các tầng lớp tư sản vừa và nhỏ, nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa và nhân dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc mất đi.

Việc thực hiện chính sách giá cả độc quyền cũng gặp phải những giới hạn kinh tế, trong đó có sự cạnh tranh. Sự xuất hiện các tổ chức độc quyền không thủ tiêu sự cạnh tranh nói chung. Độc quyền và cạnh tranh tồn tại song song và thống nhất với nhau một cách biện chứng. Trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, tính chất cạnh tranh đã thay đổi về căn bản. Đó là sự cạnh tranh khốc liệt giữa những tổ chức độc quyền lớn trong nội bộ ngành, giữa các ngành trong một quốc gia tư bản chủ nghĩa, giữa các quốc gia tư bản chủ nghĩa với nhau.

Cùng với quá trình tích tụ và tập trung sản xuất trong công nghiệp cũng diễn ra quá trình tích tụ, tập trung tư bản trong ngân hàng, dẫn đến sự hình thành các *tổ chức độc quyền trong ngân hàng*. Ngân hàng có một vai trò mới:

từ chỗ chỉ làm trung gian trong việc thanh toán và tín dụng nay do nắm được phần lớn tư bản tiền tệ trong xã hội, ngân hàng đã trở thành người có quyền lực vạn năng chi phối các hoạt động kinh tế - xã hội.

Quan hệ giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp cũng có những biến đổi khác trước. Thông qua mạng lưới chi nhánh ở khắp nơi, các tổ chức độc quyền ngân hàng cho các tổ chức độc quyền công nghiệp vay và nhận gửi những số tiền lớn của các tổ chức độc quyền công nghiệp trong một thời gian dài, nên lợi ích của chúng xoắn xuýt với nhau, hai bên đều quan tâm đến hoạt động của nhau, tìm cách thâm nhập vào nhau, từ đó hình thành một loại hình tư bản mới gọi là tư bản tài chính. *Tư bản tài chính là sự thâm nhập và dung hợp vào nhau giữa tư bản độc quyền trong ngân hàng và tư bản độc quyền trong công nghiệp.*

Sự phát triển của tư bản tài chính dẫn đến sự hình thành một nhóm nhỏ độc quyền chi phối toàn bộ đời sống kinh tế và chính trị của toàn xã hội tư bản, đó là bọn đầu sỏ tài chính. Bọn đầu sỏ tài chính thực hiện sự thống trị của mình bằng "chế độ tham dự". Thực chất của chế độ tham dự là nhà tư bản tài chính lớn hoặc một tập đoàn tài chính nhờ nắm được số cổ phiếu khống chế mà chi phối được công ty gốc hay "công ty mẹ", rồi "công ty mẹ" chi phối các công ty phụ thuộc hay các "công ty con", các công ty này lại chi phối các "công ty cháu", v.v.. Bởi vậy, với một số tư bản nhất định, một nhà tư bản tài chính có thể chi phối được những lĩnh vực sản xuất rất lớn.

Một đặc trưng của chủ nghĩa tư bản độc quyền so với chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh là xuất khẩu tư bản. Trong giai đoạn trước độc quyền cũng đã có xuất khẩu tư bản, nhưng đó mới chỉ là hiện tượng cá biệt với một quy mô hạn chế. Chỉ đến giai đoạn độc quyền, hiện tượng đó mới trở thành đặc trưng phổ biến, mới thành một hình thức quan hệ kinh tế đối ngoại ưu thế của các nhóm độc quyền tài chính và nhà nước tư sản.

Xuất khẩu tư bản trở thành tất yếu, vì trong những nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã tích lũy được một khối lượng tư bản lớn và nảy sinh tình trạng "thừa tư bản". Tình trạng thừa này không phải là thừa tuyệt đối, mà là thừa tương đối, nghĩa là không tìm được nơi đầu tư có lợi nhuận cao ở trong nước. Tiến bộ kỹ thuật ở các nước này đã dẫn đến tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản và hạ thấp tỷ suất lợi nhuận; trong khi đó, ở những nước kém phát triển về kinh tế, nhất là ở các thuộc địa, dồi dào nguyên liệu và nhân công giá rẻ nhưng lại thiếu vốn và kỹ thuật. Đối với chủ nghĩa tư bản độc quyền, việc xuất khẩu tư bản ra nước ngoài trở thành một nhu cầu tất yếu để nâng cao tỷ suất và khối lượng lợi nhuận.

Xét về hình thức đầu tư, có thể phân chia xuất khẩu tư bản thành xuất khẩu tư bản trực tiếp và xuất khẩu tư bản gián tiếp. Xuất khẩu tư bản trực tiếp là đưa tư bản ra nước ngoài để trực tiếp kinh doanh thu lợi nhuận cao. Xuất khẩu tư bản gián tiếp là cho vay để thu lợi tức. Xét về chủ sở hữu tư bản, có thể phân chia thành xuất khẩu tư bản nhà nước và xuất khẩu tư bản tư nhân.

3. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là một nấc thang phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Khi chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền, nó đã tìm thấy những khả năng phát triển mới do thích ứng được với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất vào cuối thế kỷ XIX. Nhưng chẳng bao lâu chủ nghĩa tư bản độc quyền đã gặp phải những trở ngại trong sự phát triển. Đó là vì: chỉ trong một thời kỳ lịch sử hết sức ngắn ngủi, hình thức độc quyền tư nhân tư bản chủ nghĩa không đáp ứng được yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Từ đó, xuất hiện và ngày càng thống trị *một hình thức mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền: chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.*

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự kết hợp sức mạnh của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư bản thành một thiết chế và thể chế thống nhất nhằm phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền và cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là nấc thang phát triển mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước bắt nguồn từ sự xã hội hóa của lực lượng sản xuất phát triển tới mức khiến cho sở hữu độc quyền tư nhân tư bản chủ nghĩa phải được thay thế bằng các hình thức sở hữu hỗn hợp giữa tư nhân và nhà nước. Ở đây, *nhà nước tư sản xuất hiện như một chủ sở hữu tư bản, một nhà tư bản xã hội, đồng thời lại là người quản lý xã hội bằng pháp luật với bộ máy bạo lực to lớn.*

Khi chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước thống trị, các quá trình kinh tế diễn ra trong chủ nghĩa tư bản không chỉ chịu tác động tự phát của quy luật thị trường, mà còn chịu sự điều tiết của nhà nước tư sản. Sự điều tiết này bao gồm tất cả các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội và được thực hiện bằng cả các biện pháp kinh tế lẫn hành chính, pháp chế...

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự phát triển tất yếu của sự thống trị của các tổ chức độc quyền. Nó ra đời do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, tích tụ và tập trung tư bản càng lớn thì tích tụ và tập trung sản xuất càng cao, do đó đẻ ra những cơ cấu kinh tế to lớn đòi hỏi một sự điều tiết xã hội đối với sản xuất và phân phối, một sự kế hoạch hoá tập trung từ một trung tâm. Nói cách khác, sự phát triển hơn nữa của trình độ xã hội hoá lực lượng sản xuất đã dẫn đến yêu cầu khách quan là nhà nước phải đại diện cho toàn bộ xã hội quản lý nền sản xuất. Lực lượng sản xuất xã hội hoá ngày càng cao càng mâu thuẫn gay gắt với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, do đó tất yếu đòi hỏi một hình thức mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa để lực lượng sản xuất có thể tiếp tục phát triển trong điều kiện còn sự thống trị của chủ nghĩa tư bản. Hình thức mới đó là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Hai là, sự phát triển của phân công lao động xã hội đã làm xuất hiện một số ngành mà các tổ chức độc quyền tư bản tư nhân không thể hoặc không muốn kinh doanh vì

đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm và ít lợi nhuận, nhất là các ngành thuộc kết cấu hạ tầng như năng lượng, giao thông vận tải, giáo dục, nghiên cứu khoa học cơ bản... Nhà nước tư sản trong khi đảm nhiệm kinh doanh những ngành đó sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức độc quyền tư nhân kinh doanh các ngành khác có lợi hơn.

Ba là, sự thống trị của độc quyền đã làm sâu sắc thêm sự đối kháng giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Nhà nước phải có những chính sách để xoa dịu những mâu thuẫn đó, như trợ cấp thất nghiệp, điều tiết thu nhập quốc dân, phát triển phúc lợi xã hội...

Bốn là, cùng với xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế, sự bành trướng của các liên minh độc quyền quốc tế vấp phải những hàng rào quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường thế giới. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự điều tiết các quan hệ chính trị và kinh tế quốc tế; nhà nước tư sản có vai trò quan trọng để giải quyết các quan hệ đó.

Ngoài ra, việc thi hành chủ nghĩa thực dân mới, cuộc đấu tranh với chủ nghĩa xã hội hiện thực và tác động của cách mạng khoa học và công nghệ cũng đòi hỏi sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào đời sống kinh tế.

Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước biểu hiện dưới những hình thức khác nhau, mà chủ yếu là:

- *Sự kết hợp về nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước tư sản.*

Sự liên minh về nhân sự của các ngân hàng với công

ngiệp được bổ sung bằng sự liên minh về nhân sự của ngân hàng và công nghiệp với chính phủ theo kiểu: Hôm nay là bộ trưởng, ngày mai là chủ ngân hàng; hôm nay là chủ ngân hàng, ngày mai là bộ trưởng.

Sự kết hợp về nhân sự được thực hiện thông qua các đảng phái tư sản. Chính các đảng phái này đã tạo ra cho tư bản độc quyền một cơ sở xã hội để thực hiện sự thống trị và trực tiếp xây dựng đội ngũ công chức cho bộ máy nhà nước. Cùng với các đảng phái tư sản là các hội chủ xí nghiệp mang những tên khác nhau, ví dụ: Hội công nghiệp toàn quốc Mỹ, Tổng liên đoàn công nghiệp Italia, Liên đoàn các nhà kinh tế Nhật Bản, Liên minh Liên bang công nghiệp Đức, Hội đồng quốc gia giới chủ Pháp, Tổng liên đoàn công thương Anh... Tuy đã hình thành từ thế kỷ XVIII, nhưng chỉ đến giai đoạn độc quyền các hội này mới bắt đầu phát triển mạnh, ở một số nước chúng phát triển thành các hội có tính toàn quốc và trở thành lực lượng chính trị, kinh tế to lớn, là chỗ dựa cho chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các hội chủ xí nghiệp này có nhiệm vụ làm cho sự thống trị của tư bản độc quyền thích ứng với những điều kiện mới, kết hợp những mục tiêu trước mắt với mục tiêu lâu dài của tư bản độc quyền. Vì thế, chúng trở thành trung tâm chiến lược, bộ tổng tham mưu của các tổ chức độc quyền. Một trong những kênh chuyển sức mạnh kinh tế của các độc quyền thành quyền lực chính trị là sự tham gia của hội chủ xí nghiệp vào việc thành lập bộ máy nhà nước ở các cấp. Hội

chủ xí nghiệp hoạt động thông qua các đảng phái của giai cấp tư sản. Nó cung cấp kinh phí cho các đảng, quyết định không những số lượng ứng cử viên vào nghị viện từ mỗi đảng mà cả thành phần nhân sự. Sau khi bầu nghị viện, các hội chủ xí nghiệp còn tham gia vào việc thành lập chính phủ.

Hội chủ xí nghiệp cũng tham gia vào việc lập pháp. Phần lớn các dự luật được thông qua không phải do các uỷ ban của nghị viện, mà là do các ban thuộc hội chủ xí nghiệp soạn thảo. Vai trò của các hội đó lớn đến mức dư luận thế giới đã gọi chúng là "chính phủ trong chính phủ", một quyền lực thực tế đằng sau quyền lực của chính quyền. Thông qua các hội chủ xí nghiệp, *một mặt*, các đại biểu của các tổ chức độc quyền tham gia vào bộ máy nhà nước với những cương vị khác nhau; *mặt khác*, các quan chức và nhân viên chính phủ được cài vào các ban quản trị của các tổ chức độc quyền, nắm giữ những chức vụ trọng yếu chính thức hoặc danh dự, hoặc trở thành những người đỡ đầu các tổ chức độc quyền. Sự thâm nhập vào nhau này (còn gọi là sự kết hợp) đã tạo ra những biểu hiện mới trong mối quan hệ giữa các tổ chức độc quyền và cơ quan nhà nước từ trung ương đến các địa phương.

- *Sự hình thành và phát triển của sở hữu tư bản độc quyền nhà nước.*

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống, nhưng nét nổi bật nhất là sức mạnh của nhà nước và độc quyền kết hợp với nhau trong

lĩnh vực kinh tế và nhà nước can thiệp trực tiếp vào quá trình tái sản xuất xã hội. Cơ sở của những biện pháp độc quyền nhà nước trong kinh tế là sự thay đổi các quan hệ sở hữu. Nó biểu hiện không những ở chỗ sở hữu nhà nước tăng lên mà cả ở sự tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu nhà nước và sở hữu độc quyền tư nhân, hai loại sở hữu này đan kết với nhau trong quá trình chu chuyển của tổng tư bản xã hội.

Sở hữu nhà nước không chỉ bao gồm những động sản và bất động sản cần cho hoạt động của bộ máy nhà nước, mà gồm cả những doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp và trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, như giao thông vận tải, giáo dục, y tế...

Sở hữu nhà nước hình thành dưới những hình thức sau đây:

- + Xây dựng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn của ngân sách;
- + Quốc hữu hoá các xí nghiệp tư nhân bằng cách mua lại;
- + Nhà nước mua cổ phiếu của các doanh nghiệp tư nhân;
- + Mở rộng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn tích lũy của các doanh nghiệp tư nhân.

Các doanh nghiệp nhà nước thực hiện những chức năng rất quan trọng.

Thứ nhất, mở rộng sản xuất tư bản chủ nghĩa, bảo đảm địa bàn rộng lớn cho sự phát triển của tư bản tư nhân. Điều này liên quan đến những ngành sản xuất cũ không đứng vững được trong cạnh tranh và trở nên thua lỗ, cũng như những ngành công nghệ mới nhất đòi hỏi vốn

dầu tư lớn và trình độ nghiên cứu khoa học, thiết kế và thử nghiệm cao.

Thứ hai, giải phóng tư bản của các tổ chức độc quyền từ những ngành ít lãi để đưa vào những ngành kinh doanh có hiệu quả hơn.

Thứ ba, làm chỗ dựa cho sự điều tiết kinh tế tư bản chủ nghĩa theo những chương trình nhất định. Cùng với việc nhà nước thực hiện kinh doanh, thị trường nhà nước cũng hình thành. Sự hình thành thị trường nhà nước - với việc nhà nước chủ động mở rộng thị trường trong nước bằng việc bao mua sản phẩm của các xí nghiệp độc quyền thông qua những hợp đồng đã được ký kết - giúp tư bản tư nhân khắc phục một phần khó khăn trong những thời kỳ khủng hoảng thừa, góp phần bảo đảm cho quá trình tái sản xuất diễn ra được bình thường. Các hợp đồng ký kết với nhà nước giúp cho các tổ chức độc quyền tư nhân vừa tiêu thụ được hàng hoá, bảo đảm lợi nhuận ổn định, vừa khắc phục được tình trạng thiếu nhiên liệu, nguyên liệu chiến lược. Trong hợp đồng giữa nhà nước với các tổ chức độc quyền tư nhân, quan trọng hơn cả là các hợp đồng về hàng chiến lược, đặc biệt là hàng quân sự. Với các hợp đồng này, thường các tổ chức độc quyền tư nhân kiếm được một lượng lợi nhuận lớn, vì tỷ suất lợi nhuận của việc sản xuất loại hàng hoá đó cao hơn hẳn tỷ suất lợi nhuận thông thường.

Tuy các doanh nghiệp nhà nước có lợi cho tư bản độc quyền tư nhân, nhưng không phải lúc nào và ở đâu giai

cấp tư sản cũng muốn mở rộng sở hữu tư bản nhà nước. Phạm vi, mức độ phát triển sở hữu tư bản nhà nước tùy thuộc vào lợi ích của giai cấp tư sản thống trị, trước hết là của các tập đoàn độc quyền trong từng giai đoạn cụ thể của mỗi nước. Trong những thập kỷ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, học thuyết của Kênxơ (J.M.Keynes) giữ địa vị thống trị trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, chủ trương quốc hữu hoá được thực hiện rộng rãi ở nhiều nước, làm cho khu vực kinh tế nhà nước tăng nhanh. Nhưng trong những thập kỷ tiếp theo, sự can thiệp quá sâu vào kinh tế của nhà nước và khu vực doanh nghiệp nhà nước quá lớn lại tỏ ra bất lợi cho giai cấp tư bản độc quyền. Học thuyết Kênxơ bị công kích từ nhiều phía. Khu vực doanh nghiệp nhà nước bị thu hẹp dần.

- Sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản.

Cơ chế thị trường tự do cạnh tranh và cơ chế độc quyền tư nhân đều có những tác động tích cực và tiêu cực. Bởi vậy, khi nào và ở đâu mà trình độ xã hội hoá lực lượng sản xuất đã vượt khỏi giới hạn điều tiết của cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân thì tất yếu đòi hỏi phải được bổ sung bằng sự điều tiết của nhà nước. Bản thân sự điều tiết của nhà nước cũng có mặt tích cực và mặt tiêu cực. Những sai lầm trong sự điều tiết của nhà nước có khi lại đưa đến hậu quả tai hại hơn là tác động tiêu cực của cạnh tranh tự do và độc quyền tư nhân. Vì thế, hệ thống điều tiết kinh tế của nhà nước đã dung hợp cả ba cơ chế: thị trường, độc quyền tư nhân và điều tiết của nhà nước nhằm phát huy

mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của từng cơ chế. Xét đến cùng và về bản chất, hệ thống điều tiết đó đều phục vụ cho chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Hệ thống điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản hình thành như một tổng thể những thiết chế và thể chế kinh tế của nhà nước. Một bộ máy kinh tế của nhà nước được tổ chức chặt chẽ với hệ thống chính sách, công cụ có khả năng điều tiết sự vận động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội. Sự điều tiết kinh tế của nhà nước được thực hiện dưới nhiều hình thức: hướng dẫn, kiểm soát, uốn nắn những lệch lạc... bằng các công cụ kinh tế và các công cụ hành chính - pháp lý, bằng cả ưu đãi và trừng phạt; bằng những giải pháp chiến lược dài hạn như lập chương trình, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường, bảo hiểm xã hội,... và bằng cả những giải pháp ngắn hạn, như chống khủng hoảng tài chính, tiền tệ, lạm phát, v.v..

Tuỳ theo học thuyết kinh tế được vận dụng, hệ thống điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản ở mỗi nước có những nét khác nhau - còn được gọi là "mô hình thể chế kinh tế" - như "mô hình trọng cầu", "mô hình trọng cung", "mô hình trọng tiền", v.v.. Các chính sách kinh tế của nhà nước tư sản là biểu hiện quan trọng nhất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Chúng bao gồm nhiều lĩnh vực như chính sách chống chu kỳ, chống lạm phát, chính sách về tăng trưởng kinh tế, chính sách xã hội, chính sách kinh tế đối ngoại. Các công cụ chủ yếu của nhà nước tư sản để điều

tiết kinh tế và thực hiện các chính sách kinh tế cũng rất phong phú, như ngân sách, thuế, hệ thống tiền tệ - tín dụng, sự kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, kế hoạch hoá hay chương trình hoá kinh tế và các công cụ hành chính - pháp lý.

Như vậy, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước nảy sinh như một tất yếu kinh tế, đáp ứng yêu cầu xã hội hoá cao độ của các lực lượng sản xuất trong khuôn khổ chế độ tư bản, đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhưng vẫn vấp phải những giới hạn và mâu thuẫn mà chủ nghĩa tư bản không thể vượt qua được.

4. Chủ nghĩa đế quốc

Từ sự phân tích những đặc trưng kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền, V.I.Lênin đã rút ra những kết luận về đặc điểm của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn phát triển mới của nó - giai đoạn đế quốc chủ nghĩa:

- Chủ nghĩa đế quốc là sự phát triển và kế tục trực tiếp những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản nói chung. Về mặt kinh tế, sự độc quyền tư bản chủ nghĩa đã thay thế sự cạnh tranh tự do tư bản chủ nghĩa.

Trong giai đoạn độc quyền, dù đã có những biểu hiện mới, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản nói chung vẫn phát huy tác dụng, các đặc điểm thuộc về bản chất của chủ nghĩa tư bản như khủng hoảng kinh tế, thất nghiệp, sự bần cùng hoá giai cấp vô sản... vẫn không thay đổi.

p

- Sự thống trị của độc quyền tất yếu nảy sinh ra xu hướng trì trệ. Việc định ra những giá cả độc quyền, dù chỉ là tạm thời, trên một mức độ nào đó cũng là những nguyên nhân hạn chế kích thích tiến bộ kỹ thuật và kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa đế quốc cũng làm nảy sinh tầng lớp những kẻ thực lợi sống bằng lối "cắt phiếu", những kẻ hoàn toàn không tham gia một doanh nghiệp nào.

Sự thống trị của độc quyền không loại trừ sự phát triển sản xuất và kỹ thuật, vì độc quyền không loại trừ cạnh tranh. Vì vậy, trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa đồng thời tồn tại hai xu hướng trái ngược nhau: xu hướng tiến bộ kỹ thuật và xu hướng thối nát kìm hãm sự phát triển kỹ thuật.

- Độc quyền tư nhân và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là biểu hiện sự phát triển cao của lực lượng sản xuất, của tính chất xã hội của sản xuất đạt đến trình độ khiến cho sự xã hội hoá sản xuất không những trở thành cần thiết mà đã là hiện thực và ngày càng mâu thuẫn với sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Điều đó không có nghĩa là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước đã thay đổi bản chất, đã là chủ nghĩa xã hội, mà chỉ có nghĩa là các mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản thời kỳ đó ngày càng gay gắt.

5. Chủ nghĩa tư bản ngày nay

- Khi chủ nghĩa tư bản vừa phát triển tới giai đoạn độc quyền, V.I.Lênin đã chỉ rõ, sự phát triển nhanh chóng của

nền kinh tế của chủ nghĩa đế quốc và sự trì trệ thối nát là hai xu thế cùng tồn tại song song. Đó cũng chính là một biểu hiện quan trọng thuộc bản chất của chủ nghĩa đế quốc. Trong thời đại ngày nay, bản chất này biểu hiện rất nổi bật.

Xu thế phát triển nhanh chóng của nền kinh tế biểu hiện ở chỗ: sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt là vào những năm 50 - 60 thế kỷ XX, trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới đã xuất hiện thời kỳ tăng trưởng với tốc độ cao hiếm thấy. Trong hơn 20 năm, từ năm 1948 đến năm 1970, Mỹ, Anh, Pháp, Cộng hoà liên bang Đức, Italia, Canada, Nhật Bản, v.v. có tỷ suất tăng trưởng bình quân trong tổng giá trị thu nhập quốc dân đạt 5,1%. Đồng thời, việc nâng cao hiệu quả lao động sản xuất cũng rất rõ rệt. Nguyên nhân của xu thế này là do: yêu cầu nội tại và xu thế tăng nhanh tốc độ của việc phát triển lực lượng sản xuất gắn với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ; quá trình vận hành của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa bao hàm những nhân tố kích thích sự phát triển kinh tế; tác dụng can thiệp vào điều chỉnh cục bộ đối với quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; việc mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, đặc biệt là tác dụng kích thích của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống kinh tế thế giới.

Xu thế trì trệ của nền kinh tế mà V.I.Lênin đã chỉ ra, đó là vì sự thống trị độc quyền đã tạo ra những nhân tố ngăn cản sự tiến bộ kỹ thuật và phát triển sản xuất. Tư

bản độc quyền có thể thông qua những biện pháp như giá cả độc quyền, hạn chế sản lượng và mua phát minh kỹ thuật... thông qua tổ chức độc quyền và các thủ đoạn trao đổi không ngang giá... để thu lợi nhuận cao một cách ổn định từ trong và ngoài nước. Tất cả những cái đó đã làm mất tác dụng ở mức độ nhất định những nhân tố thúc đẩy kỹ thuật, sản xuất tiến bộ.

Trong thực tế vận hành của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày nay đang tồn tại song song hai xu thế trái ngược nhau đó. Nền kinh tế của một ngành cá biệt, một quốc gia cá biệt, thậm chí toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa, với những mức độ khác nhau lúc biểu hiện xu thế này, lúc lại biểu hiện xu thế khác. Nhưng, nhìn chung, dưới sự thúc đẩy của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa *tăng nhanh hơn so với trước*. Nhưng sự phát triển này lại không cân đối và đồng đều ở các nước, không triệt tiêu được những nhân tố kìm hãm khiến cho sự trì trệ vẫn là một xu thế khách quan.

Sự tồn tại song song của hai xu thế đó trong chủ nghĩa tư bản ngày nay *một mặt* nói lên rằng, *chế độ tư bản ngày nay vẫn có sức sống*, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong một thời kỳ nhất định có thể tự điều chỉnh và ở mức độ nhất định còn có thể thích ứng với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy xã hội tư bản phát triển. *Mặt khác*, điều đó cũng nói lên rằng, mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản ngày nay vẫn không hề được giải quyết.

- Chủ nghĩa tư bản ngày nay chẳng những không khắc phục được những mâu thuẫn vốn có của nó, mà sự phát triển của nó đã làm cho những mâu thuẫn đó ngày càng sâu sắc, làm lộ rõ tính chất lỗi thời về mặt lịch sử của nó. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản bắt nguồn từ mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản: mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ xã hội hoá của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Mặc dù chủ nghĩa tư bản ngày nay đã có sự điều chỉnh nhất định trong những hình thức quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối nhưng vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn khách quan này.

Bài 7

HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

I. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Giai cấp công nhân

Để hiểu rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trước hết cần làm rõ khái niệm giai cấp công nhân. Chính C.Mác và Ph.Ăngghen đặt vấn đề nghiên cứu rất khoa học ngay từ đầu, rằng: "Vấn đề là ở chỗ *giai cấp vô sản thực ra là gì*, và phù hợp với *sự tồn tại* ấy của bản thân nó, giai cấp vô sản buộc phải làm gì về mặt lịch sử"¹.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để nói về giai cấp công nhân như: giai cấp vô sản, giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ dựa vào việc bán sức lao động của mình, lao động làm thuê ở thế kỷ XIX, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp... như những cụm từ *đồng nghĩa* để biểu thị một khái niệm: Giai cấp công nhân - con đẻ của nền đại

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.56.

công nghiệp tư bản chủ nghĩa, là giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại. C.Mác và Ph.Ăngghen còn dùng những thuật ngữ có nội dung hẹp hơn để chỉ các loại công nhân trong các ngành khác nhau, trong những giai đoạn phát triển khác nhau của công nghiệp: công nhân khoáng sản, công nhân công trường thủ công, công nhân công xưởng, công nhân nông nghiệp, v.v..

Dù khái niệm giai cấp công nhân (giai cấp vô sản) có nhiều thuật ngữ biểu đạt khác nhau như thế nào thì theo C.Mác và Ph.Ăngghen vẫn chỉ mang hai nội hàm cơ bản:

- *Về phương thức lao động, phương thức sản xuất của giai cấp này*: đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hoá cao. C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu lên nội hàm này khi hai ông mô tả quá trình phát triển của giai cấp công nhân từ những người thợ thủ công thời trung cổ đến những người thợ trong công trường thủ công và cuối cùng đến những công nhân trong công nghiệp hiện đại. Trong công trường thủ công và trong nghề thủ công, người công nhân sử dụng công cụ của mình, còn trong công xưởng thì người công nhân phải phục vụ máy móc¹. Khi nói về tiêu chí này, C.Mác và Ph.Ăngghen luôn luôn nhấn mạnh đến người công nhân công nghiệp công xưởng, coi là bộ phận tiêu biểu cho giai

1. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.605.